CHÍNH PHỦ **-------**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc ----------
Số: 105/2013/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 16 tháng 09 năm 2013*

NGHỊ ĐỊNH
QUY ĐỊNH XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật kế toán ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Căn cứ Luật kiểm toán độc lập ngày 29 tháng 03 năm 2011;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Chương 1.
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài (sau đây gọi chung là cá nhân, tổ chức) vi phạm quy định của pháp luật về kế toán, kiểm toán độc lập trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự thì bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại Nghị định này.

2. Người có thẩm quyền lập biên bản, xử phạt vi phạm hành chính và những cá nhân, tổ chức khác có liên quan.

Điều 3. Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính

1. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán là 2 năm;

2. Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 1 năm;

3. Thời điểm để tính thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính quy định tại Khoản 1, Khoản 2 Điều này được quy định như sau:

a) Đối với hành vi vi phạm hành chính đã kết thúc thì thời hiệu được tính từ thời điểm chấm dứt hành vi vi phạm.

b) Đối với hành vi vi phạm hành chính đang được thực hiện thì thời hiệu được tính từ thời điểm phát hiện hành vi vi phạm.

4. Trường hợp xử phạt vi phạm hành chính đối với cá nhân do cơ quan tiến hành tố tụng chuyển đến thì thời hiệu được áp dụng theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều này. Thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

5. Trong thời hạn được quy định tại Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 điều này mà cá nhân, tổ chức cố tình trốn tránh, cản trở việc xử phạt thì thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính được tính lại kể từ thời điểm chấm dứt hành vi trốn tránh, cản trở việc xử phạt.

Điều 4. Các hình thức xử phạt vi phạm hành chính

1. Đối với mỗi hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, cá nhân, tổ chức vi phạm phải chịu một trong các hình thức xử phạt chính sau đây:

a) Cảnh cáo;

b) Phạt tiền:

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kế toán đối với cá nhân là 30.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 60.000.000 đồng. Mức phạt tiền quy định từ Điều 7 đến Điều 16 Chương II Nghị định này áp dụng đối với cá nhân. Đối với tổ chức vi phạm thì mức phạt bằng 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân có cùng hành vi vi phạm hành chính.

Mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực kiểm toán độc lập đối với cá nhân là 50.000.000 đồng, đối với tổ chức tối đa là 100.000.000 đồng.

c) Tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề, đình chỉ hoạt động có thời hạn trong trong lĩnh vực kiểm toán độc lập:

- Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán đối với tổ chức kiểm toán đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

- Đình chỉ hành nghề kiểm toán đối với kiểm toán viên hành nghề đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

- Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

- Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực;

- Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực.

2. Ngoài các hình thức xử phạt chính quy định tại Khoản 1 Điều này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có thể bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như sau:

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề kế toán từ 1 tháng đến 3 tháng; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán từ 1 tháng đến 3 tháng;

b) Tịch thu chứng từ kế toán, sổ kế toán, tịch thu báo cáo tài chính.

Điều 5. Các biện pháp khắc phục hậu quả

Cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, ngoài việc bị áp dụng hình thức xử phạt còn có thể bị áp dụng các biện pháp khắc phục hậu quả như sau:

1. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kế toán bao gồm:

a) Buộc phải hủy các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp;

b) Buộc phải khôi phục lại sổ kế toán;

c) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính.

2. Các biện pháp khắc phục hậu quả trong lĩnh vực kiểm toán độc lập bao gồm:

a) Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm hành chính;

c) Buộc tiêu hủy hồ sơ, tài liệu, bằng cấp, chứng chỉ, giấy chứng nhận gian lận, giả mạo, khai man.

Điều 6. Áp dụng quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực có liên quan

Các hành vi vi phạm hành chính liên quan đến kế toán, kiểm toán độc lập đã được quy định tại các văn bản khác thì việc xử phạt vi phạm hành chính được thực hiện theo các văn bản đó.

Chương 2.
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN

Điều 7. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chứng từ kế toán

1. Phạt cảnh cáo đối với hành vi ký chứng từ kế toán không đúng với quy định về vị trí chữ ký của các chức danh đối với từng loại chứng từ kế toán.

2. Phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập chứng từ kế toán không đầy đủ các nội dung chủ yếu theo quy định của pháp luật về kế toán;

b) Tẩy xóa, sửa chữa chứng từ kế toán.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập chứng từ kế toán không đủ số liên theo quy định của mỗi loại chứng từ kế toán;

b) Ký chứng từ kế toán khi chưa ghi đủ nội dung chứng từ thuộc trách nhiệm của người ký;

c) Ký chứng từ kế toán mà không có thẩm quyền ký hoặc không được ủy quyền ký.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

b) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo, khai man chứng từ kế toán;

c) Lập chứng từ kế toán có nội dung các liên không giống nhau trong trường hợp phải lập chứng từ kế toán có nhiều liên cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

d) Không lập chứng từ kế toán khi nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

đ) Lập nhiều lần chứng từ kế toán cho một nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh;

e) Hủy bỏ hoặc cố ý làm hư hỏng chứng từ kế toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu chứng từ kế toán đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b Khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải hủy các chứng từ kế toán đã lập trùng lặp cho một nghiệp vụ quy định tại Điểm đ Khoản 4 Điều này.

Điều 8. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về sổ kế toán

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Lập sổ kế toán không đầy đủ các nội dung theo quy định như: không ghi tên đơn vị kế toán, tên sổ, ngày, tháng, năm lập sổ; ngày, tháng, năm khóa sổ; thiếu chữ ký của người lập sổ, kế toán trưởng và người đại diện theo pháp luật của đơn vị kế toán; không đánh số trang, không đóng dấu giáp lai giữa các trang trên sổ kế toán;

b) Ghi sổ kế toán không đầy đủ nội dung chủ yếu theo quy định;

c) Vi phạm các quy định về ghi sổ kế toán như ghi chồng lên nhau, ghi cách dòng; không gạch chéo phần trang sổ không ghi; không thực hiện việc cộng số liệu tổng cộng khi ghi hết trang sổ, không thực hiện việc chuyển số liệu tổng cộng trang sổ trước sang đầu trang sổ kế tiếp;

d) Không đóng thành quyển sổ riêng cho từng kỳ kế toán và thực hiện các thủ tục pháp lý sau khi in sổ ra giấy trong trường hợp thực hiện kế toán trên máy vi tính.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở sổ kế toán không theo đúng nguyên tắc chung của một trong các hình thức sổ kế toán theo quy định;

b) Ghi sổ kế toán không tuân thủ phương pháp quy định của chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán;

c) Ghi sổ, khóa sổ kế toán không kịp thời theo quy định;

d) Sửa chữa sai sót trên sổ kế toán không theo đúng phương pháp quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện việc mở sổ kế toán vào đầu kỳ kế toán năm hoặc từ ngày thành lập đơn vị kế toán;

b) Không có chứng từ kế toán chứng minh các thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán hoặc số liệu trên sổ kế toán không đúng với chứng từ kế toán;

c) Thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán của năm thực hiện không kế tiếp thông tin, số liệu ghi trên sổ kế toán năm trước liền kề hoặc sổ kế toán ghi không liên tục từ khi mở sổ đến khi khóa sổ;

d) Không thực hiện việc khóa sổ kế toán trong các trường hợp mà pháp luật về kế toán quy định phải khóa sổ kế toán;

đ) Không in sổ kế toán ra giấy sau khi khóa sổ trên máy vi tính đối với các loại sổ phải in theo quy định, hoặc không có đầy đủ chữ ký và đóng dấu theo quy định sau khi in sổ.

4. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Mở sổ kế toán ngoài hệ thống sổ kế toán chính thức của đơn vị;

b) Giả mạo sổ kế toán;

c) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo sổ kế toán;

d) Cố ý để ngoài sổ kế toán tài sản của đơn vị hoặc tài sản có liên quan đến đơn vị;

đ) Hủy bỏ trước hạn hoặc cố ý làm hư hỏng sổ kế toán.

5. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tịch thu sổ kế toán đối với vi phạm quy định tại Điểm a, b, c Khoản 4 Điều này;

b) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng vi phạm quy định tại Khoản 4 Điều này.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc phải khôi phục lại sổ kế toán đối với các vi phạm quy định tai Điểm đ Khoản 4 Điều này.

Điều 9. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tài khoản kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hạch toán không theo đúng nội dung quy định của tài khoản kế toán;

b) Sửa đổi nội dung, phương pháp hạch toán của tài khoản kế toán do Bộ Tài chính ban hành hoặc mở thêm tài khoản kế toán trong hệ thống tài khoản kế toán cấp I đã lựa chọn mà không được Bộ Tài chính chấp nhận.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không áp dụng đúng hệ thống tài khoản kế toán quy định cho ngành và lĩnh vực hoạt động của đơn vị;

b) Không thực hiện đúng hệ thống tài khoản đã được Bộ Y tế chấp thuận.

Điều 10. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán và công khai báo cáo tài chính

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập báo cáo tài chính hoặc lập báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định;

b) Lập và trình bày báo cáo tài chính không đúng phương pháp; không rõ ràng; không nhất quán theo quy định;

c) Nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm từ 01 tháng đến 03 tháng theo thời hạn quy định;

d) Công khai báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định, gồm: Quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm và các khoản thu chi tài chính khác; tình hình tài sản, nợ phải trả, vốn chủ sở hữu, kết quả hoạt động kinh doanh, trích lập và sử dụng các quỹ, thu nhập của người lao động;

đ) Công khai báo cáo tài chính chậm từ 01 tháng đến 03 tháng theo thời hạn quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Nộp báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền chậm quá 03 tháng theo thời hạn quy định;

b) Lập báo cáo tài chính không đúng với số liệu trên sổ kế toán và chứng từ kế toán;

c) Giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

d) Thỏa thuận hoặc ép buộc người khác giả mạo báo cáo tài chính, khai man số liệu trên báo cáo tài chính;

đ) Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu kế toán sai sự thật;

e) Thực hiện việc công khai báo cáo tài chính chậm quá 03 tháng theo thời hạn quy định;

g) Thông tin, số liệu công khai báo cáo tài chính sai sự thật;

h) Nộp báo cáo tài chính cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền không đính kèm báo cáo kiểm toán đối với các trường hợp mà pháp luật quy định phải kiểm toán.

3. Hình thức xử phạt bổ sung:

a) Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng vi phạm quy định tại Điểm b, c, d, đ, g Khoản 2 Điều này;

b) Tịch thu báo cáo tài chính đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm b, c, d, đ Khoản 2 Điều này.

Điều 11. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm tra kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không chấp hành quyết định kiểm tra kế toán của cơ quan có thẩm quyền;

b) Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ cho đoàn kiểm tra các tài liệu kế toán liên quan đến nội dung kiểm tra.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ kết luận của đoàn kiểm tra;

b) Ba năm liên tục không thực hiện kiểm tra kế toán đối với đơn vị kế toán cấp dưới.

Điều 12. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ tài liệu kế toán

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Đưa tài liệu kế toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng so với thời hạn quy định;

b) Lưu trữ tài liệu kế toán không đầy đủ theo quy định;

c) Bảo quản tài liệu kế toán không an toàn, để hư hỏng, mất mát tài liệu trong thời hạn lưu trữ.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sử dụng tài liệu kế toán trong thời hạn lưu trữ không đúng quy định;

b) Không thực hiện việc tổ chức kiểm kê, phân loại, phục hồi tài liệu kế toán bị mất mát hoặc bị hủy hoại.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hủy bỏ tài liệu kế toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định;

b) Tiêu hủy tài liệu kế toán không thành lập Hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định.

Điều 13. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm kê tài sản

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không lập báo cáo tổng hợp kết quả kiểm kê theo quy định;

b) Không xác định nguyên nhân chênh lệch; không phản ảnh số chênh lệch và kết quả xử lý số chênh lệch giữa số liệu kiểm kê thực tế với số liệu sổ kế toán vào sổ kế toán.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi không thực hiện kiểm kê tài sản vào cuối kỳ kế toán năm hoặc không thực hiện kiểm kê tài sản trong các trường hợp khác theo quy định.

3. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với hành vi giả mạo, khai man kết quả kiểm kê tài sản.

Điều 14. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tổ chức bộ máy kế toán, bố trí người làm kế toán hoặc thuê làm kế toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không tổ chức bộ máy kế toán; không bố trí người làm kế toán hoặc không thuê tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ kế toán làm kế toán theo quy định;

b) Bố trí người làm kế toán mà pháp luật quy định không được làm kế toán;

c) Bố trí người làm kế toán không đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định;

d) Thuê tổ chức, cá nhân không đủ tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề kế toán hoặc không đăng ký kinh doanh theo quy định, cung cấp dịch vụ kế toán cho đơn vị.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bố trí người có trách nhiệm quản lý, điều hành đơn vị kế toán kiêm làm kế toán, thủ kho, thủ quỹ hoặc mua, bán tài sản trừ doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh cá thể;

b) Bố trí người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định;

c) Thuê người làm kế toán trưởng không đủ tiêu chuẩn, điều kiện quy định.

Điều 15. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hành nghề kế toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Hành nghề kế toán nhưng không đăng ký kinh doanh dịch vụ kế toán;

b) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ kế toán không có Chứng chỉ hành nghề kế toán;

c) Hành nghề kế toán không đảm bảo điều kiện hoạt động theo quy định nhưng vẫn cung cấp dịch vụ kế toán;

d) Cá nhân hành nghề kế toán nhưng không có Chứng chỉ hành nghề kế toán;

đ) Nhận làm thuê kế toán khi là bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em ruột của người có trách nhiệm quản lý điều hành, kể cả Kế toán trưởng của đơn vị kế toán hoặc có quan hệ kinh tế, tài chính hoặc không đủ năng lực chuyên môn hoặc nhận làm thuê kế toán khi đơn vị kế toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, chuyên môn nghiệp vụ kế toán;

e) Cho thuê, cho mượn Chứng chỉ hành nghề kế toán.

2. Hình thức xử phạt bổ sung:

Tước quyền sử dụng Chứng chỉ hành nghề kế toán đối với người hành nghề kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng; đình chỉ kinh doanh dịch vụ kế toán đối với tổ chức kinh doanh dịch vụ kế toán từ 01 tháng đến 03 tháng vi phạm quy định tại Điểm e Khoản 1 Điều này.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, c, d, đ, e Khoản 1 Điều này.

Điều 16. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về áp dụng chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định khác

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Không đăng ký hoặc không thông báo chế độ kế toán áp dụng tại đơn vị trong thời hạn quy định đối với trường hợp phải đăng ký hoặc phải thông báo với cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

b) Áp dụng sai quy định về chữ viết; chữ số; đơn vị tiền tệ hoặc kỳ kế toán.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với hành vi cho đối tượng khác sử dụng tài khoản Tiền gửi ngân hàng, Tiền gửi Kho bạc Nhà nước của đơn vị để nhận tiền, chuyển tiền cho các hoạt động tiền tệ vi phạm chế độ quản lý tài chính, ngân sách, sử dụng vốn và quy định pháp luật về phòng và chống rửa tiền.

Điều 17. Xử phạt hành vi vi phạm trong việc tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

1. Cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không gửi cho Bộ Tài chính đầy đủ hồ sơ tài liệu trước khi mở khóa học;

b) Tổ chức một lớp học bồi dưỡng kế toán trưởng quá 100 học viên;

c) Tổ chức khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng trong thời gian quá 6 tháng;

d) Không thông báo, báo cáo cho Bộ Tài chính nội dung liên quan đến khóa học theo quy định.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Không đảm bảo về nội dung, chương trình và thời gian học cho học viên theo quy định;

b) Sai phạm về việc sử dụng tài liệu bồi dưỡng kế toán trưởng;

c) Lưu giữ hồ sơ liên quan đến khóa học không đầy đủ, không đúng thời gian theo quy định.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cơ sở đào tạo vi phạm một trong các hành vi sau đây:

a) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng khi không đủ điều kiện;

b) Mở khóa học bồi dưỡng kế toán trưởng cho người nước ngoài khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận;

c) Cấp chứng chỉ kế toán trưởng cho học viên không đủ tiêu chuẩn, điều kiện;

d) Cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng cho học viên không phù hợp với kết quả thi;

đ) Quản lý phôi và cấp chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng của cơ sở đào tạo không đúng quy định của Bộ Tài chính.

4. Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, b, c, d Khoản 3 Điều này.

Chương 3.
HÀNH VI VI PHẠM, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ MỨC XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

MỤC 1. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CẤP, QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN ĐỦ ĐIỀU KIỆN KINH DOANH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 18. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức kiểm toán, tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

c) Xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy toàn bộ tài liệu kê khai không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man.

Điều 19. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức kiểm toán không nộp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán cho Bộ Tài chính khi có quyết định thu hồi, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán không làm thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán khi có thay đổi phải điều chỉnh theo quy định.

3. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

b) Cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán bị giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

MỤC 2. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN, CHI NHÁNH DOANH NGHIỆP KIỂM TOÁN NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM

Điều 20. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kinh doanh dịch vụ kiểm toán của doanh nghiệp kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức không được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán nhưng không làm thủ tục xóa ngành nghề kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong thời hạn 6 tháng kể từ ngày thay đổi đăng ký kinh doanh gần nhất.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng; đối với tổ chức không đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định nhưng sử dụng cụm từ "kiểm toán" trong tên gọi.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ kiểm toán khi chưa được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng, đối với tổ chức kiểm toán vẫn tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 21. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán

1. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kiểm toán vẫn tiếp tục kinh doanh các dịch vụ theo quy định tại Khoản 1 Điều 40 Luật kiểm toán độc lập khi đã bị đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

MỤC 3. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ, SỬ DỤNG CHỨNG CHỈ KIỂM TOÁN VIÊN, CẬP NHẬT KIẾN THỨC CHO KIỂM TOÁN VIÊN

Điều 22. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ dự thi và thi kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với cá nhân giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ và các tài liệu khác trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.

2. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với tổ chức xác nhận không đúng thực tế về các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Nhờ người khác thi hộ trong kỳ thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Thi hộ người khác trong kỳ thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy toàn bộ các tài liệu, bằng cấp, chứng chỉ giả mạo, khai man trong hồ sơ dự thi lấy chứng chỉ kiểm toán viên đối với hành vi quy định tại Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 23. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa chứng chỉ kiểm toán viên;

b) Cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên của mình để thực hiện hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

2. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thuê, mượn hoặc sử dụng chứng chỉ kiểm toán viên của người không làm việc tại đơn vị mình để thực hiện hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc tiêu hủy toàn bộ tài liệu bị giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này;

b) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều này.

Điều 24. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức được Bộ Tài chính chấp thuận tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên, doanh nghiệp kiểm toán được Bộ Tài chính chấp thuận tự tổ chức các lớp học cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên của doanh nghiệp mình (gọi chung là tổ chức) thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Báo cáo không đúng thời hạn theo quy định kết quả tổ chức các lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên;

b) Không theo dõi, điểm danh đối với kiểm toán viên tham gia học cập nhật;

c) Không thực hiện việc lấy ý kiến đánh giá của học việc trên Phiếu đánh giá chất lượng lớp học cập nhật kiến thức kiểm toán viên;

d) Không cấp giấy chứng nhận cho kiểm toán viên tham gia cập nhật kiến thức.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với đơn vị, tổ chức thực hiện việc cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên khi chưa được Bộ Tài chính chấp thuận.

3. Đình chỉ việc tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên trong thời gian từ 03 tháng 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Tổ chức cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đúng với nội dung, chương trình đã đăng ký với Bộ Tài chính;

b) Bố trí giảng viên giảng dạy lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên không đáp ứng điều kiện theo quy định;

c) Không báo cáo kết quả tổ chức các lớp cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên theo quy định;

d) Báo cáo không đúng số lượng kiểm toán viên tham gia học cập nhật;

đ) Báo cáo không đúng số giờ cập nhật của kiểm toán viên;

e) Cấp Giấy chứng nhận tham gia cập nhật kiến thức cho kiểm toán viên thực tế không tham gia cập nhật kiến thức;

g) Không lưu trữ đầy đủ hồ sơ về tổ chức cập nhật kiến thức kiểm toán viên theo quy định.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2 Điều này.

MỤC 4. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN VÀ GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ HÀNH NGHỀ KIỂM TOÁN

Điều 25. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hồ sơ đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man về bằng cấp, chứng chỉ trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

c) Xác nhận không trang thực các tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện được cấp Giấy chúng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

2. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức thực hiện hành vi xác nhận không trung thực các thông tin, tài liệu trong hồ sơ để đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc tiêu hủy toàn bộ tài liệu kê khai, xác nhận không trung thực, giả mạo, khai man.

Điều 26. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về quản lý, sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức, cá nhân không nộp lại Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán cho Bộ Tài chính theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với cá nhân sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề cho tổ chức, cá nhân khác ngoài đơn vị mình đang làm việc thuê, mượn hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của mình để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

4. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán đã hết hiệu lực hoặc không còn giá trị để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

5. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng đối với tổ chức kiểm toán thuê, mượn hoặc sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán của kiểm toán viên hành nghề không làm việc tại đơn vị mình để thực hiện các hoạt động nghề nghiệp kế toán, kiểm toán độc lập.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả:

a) Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này;

b) Buộc tiêu hủy Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán giả mạo đối với tổ chức thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều này.

MỤC 5. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HOẠT ĐỘNG KIỂM TOÁN

Điều 27. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp

1. Phạt cảnh cáo hoặc phạt tiền từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp không đúng với quy định của Bộ Tài chính.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán không thực hiện việc mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp cho kiểm toán viên hành nghề hoặc trích lập quỹ dự phòng rủi ro nghề nghiệp.

Điều 28. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về chấp nhận thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán chấp nhận thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 29. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về hợp đồng kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức kiểm toán ký hợp đồng kiểm toán với khách hàng, đơn vị được kiểm toán không đầy đủ các nội dung theo quy định khi cung cấp dịch vụ kiểm toán cho khách hàng, đơn vị được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán, khách hàng không giao kết hợp đồng kiểm toán trước khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán không giao kết hợp đồng kiểm toán với khách hàng khi cung cấp dịch vụ kiểm toán.

Điều 30. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo mật

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân tiết lộ thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán, trừ trường hợp khách hàng, đơn vị được kiểm toán chấp thuận hoặc theo quy định của pháp luật.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo mật.

3. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

4. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức kiểm toán sử dụng thông tin có liên quan đến hồ sơ kiểm toán, khách hàng, đơn vị được kiểm toán để xâm phạm lợi ích của Nhà nước, lợi ích công cộng, quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

5. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 31. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về báo cáo kiểm toán

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính được kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề.

3. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán không đúng thẩm quyền theo quy định;

b) Phát hành báo cáo kiểm toán mà ngày ký báo cáo kiểm toán trước ngày ký báo cáo tài chính;

c) Lập báo cáo kiểm toán không có đầy đủ chữ ký của kiểm toán viên hành nghề theo quy định;

d) Không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, kịp thời về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền, của đại diện chủ sở hữu đơn vị được kiểm toán.

4. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Ký báo cáo kiểm toán quá ba năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán;

b) Ký báo cáo kiểm toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị.

5. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Bố trí người ký báo cáo kiểm toán khi không phải là kiểm toán viên hành nghề;

b) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán quá 3 năm liên tục cho một đơn vị được kiểm toán;

c) Bố trí kiểm toán viên hành nghề ký báo cáo kiểm toán khi Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán hết hiệu lực hoặc không còn giá trị.

MỤC 6. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ TÍNH ĐỘC LẬP

Điều 32. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập của thành viên tham gia cuộc kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với thành viên tham gia cuộc kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề và doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với thành viên tham gia cuộc kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua, nhận biếu tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

b) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đơn tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

c) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản phí dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;

d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

đ) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi không bảo đảm tính độc lập, không đủ năng lực chuyên môn, không đủ điều kiện theo quy định của pháp luật;

b) Thực hiện kiểm toán cho khách hàng khi khách hàng, đơn vị được kiểm toán có yêu cầu trái với đạo đức nghề nghiệp, yêu cầu về chuyên môn, nghiệp vụ hoặc trái với quy định của pháp luật.

4. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán.

5. Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực thi hành đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Hành nghề kiểm toán với tư cách cá nhân;

b) Làm việc cho từ hai doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam trở lên trong cùng một thời gian;

c) Góp vốn vào từ hai doanh nghiệp kiểm toán trở lên.

6. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện các hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Khoản 4 Điều này.

Điều 33. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập của tổ chức kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông tin, giới thiệu sai sự thật về trình độ, kinh nghiệm và khả năng cung cấp dịch vụ của kiểm toán viên hành nghề, của tổ chức kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam;

b) Tranh giành khách hàng dưới các hình thức ngăn cản, lôi kéo, mua chuộc, thông đồng với khách hàng và các hành vi cạnh tranh không lành mạnh khác.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua, nhận biếu tặng, nắm giữ cổ phiếu hoặc phần vốn góp của đơn vị được kiểm toán không phân biệt số lượng;

b) Mua, bán trái phiếu hoặc tài sản khác của đơn vị được kiểm toán có ảnh hưởng đến tính độc lập theo quy định của chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp kế toán, kiểm toán;

c) Nhận hoặc đòi hỏi bất kỳ một khoản tiền, lợi ích nào khác từ đơn vị được kiểm toán ngoài khoản phí dịch vụ và chi phí đã thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết;

d) Sách nhiễu, lừa dối khách hàng, đơn vị được kiểm toán;

đ) Can thiệp vào hoạt động kinh doanh của khách hàng, đơn vị được kiểm toán trong quá trình thực hiện kiểm toán;

e) Thực hiện việc thu nợ cho đơn vị được kiểm toán.

3. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Thông đồng, móc nối với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo sai lệch kết quả kiểm toán;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ kiểm toán;

c) Thực hiện kiểm toán khi thuộc một trong các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định của pháp luật.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

MỤC 7. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 34. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lựa chọn tổ chức kiểm toán, kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán

1. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán thuê tổ chức kiểm toán trong các trường hợp tổ chức kiểm toán không được thực hiện kiểm toán theo quy định pháp luật.

2. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán thuê tổ chức kiểm toán không đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán theo quy định của pháp luật.

3. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không thực hiện kiểm toán bắt buộc đối với báo cáo tài chính, báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo tài chính hợp nhất, báo cáo tài chính tổng hợp và các công việc kiểm toán khác theo quy định của pháp luật về kiểm toán độc lập và pháp luật khác có liên quan.

Điều 35. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính không đầy đủ nội dung theo quy định.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính chậm hơn so với thời hạn quy định;

b) Doanh nghiệp, tổ chức không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán trước khi thực hiện kiểm toán.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức là đối tượng bắt buộc phải kiểm toán báo cáo tài chính hàng năm không thực hiện giao kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính theo quy định.

Điều 36. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến cuộc kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với cá nhân, tổ chức từ chối hoặc cung cấp không đầy đủ, chính xác, trung thực, kịp thời, khách quan thông tin, tài liệu cần thiết theo yêu cầu của kiểm toán viên hành nghề hoặc tổ chức kiểm toán có liên quan đến cuộc kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị được kiểm toán không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, kịp thời về các nội dung ngoại trừ trong báo cáo kiểm toán theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Mua chuộc, hối lộ, thông đồng với thành viên tham gia cuộc kiểm toán và tổ chức kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán, báo cáo tài chính, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán;

b) Đe dọa, trả thù, ép buộc thành viên tham gia cuộc kiểm toán nhằm làm sai lệch kết quả kiểm toán;

c) Che giấu hành vi vi phạm pháp luật về tài chính, kế toán;

d) Cản trở công việc và có hành vi hạn chế phạm vi cuộc kiểm toán.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin sai sự thật hoặc gây nhầm lẫn đối với hành vi vi phạm quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 3 Điều này.

Điều 37. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm toán báo cáo quyết toán dự án hoàn thành

Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức thực hiện dự án quan trọng quốc gia, dự án nhóm A sử dụng vốn nhà nước, trừ các dự án trong lĩnh vực thuộc bí mật nhà nước theo quy định của pháp luật, không thực hiện kiểm toán đối với báo cáo quyết toán dự án hoàn thành.

MỤC 8. VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ HỒ SƠ KIỂM TOÁN

Điều 38. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về lập hồ sơ kiểm toán

1. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán.

2. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức kiểm toán không lập hồ sơ kiểm toán đối với cuộc kiểm toán.

Điều 39. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán

Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Bảo quản, lưu trữ hồ sơ kiểm toán không đầy đủ, an toàn, để hư hỏng, mất mát hồ sơ kiểm toán trong quá trình sử dụng và trong thời hạn lưu trữ.

2. Đưa hồ sơ kiểm toán vào lưu trữ chậm quá 12 tháng kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán.

3. Không thực hiện lưu trữ hồ sơ kiểm toán bằng giấy hoặc dữ liệu điện tử.

4. Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục để duy trì tính bảo mật, an toàn, toàn vẹn, có khả năng tiếp cận và phục hồi được của hồ sơ kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

5. Không thiết kế, thực hiện các chính sách và thủ tục về lưu trữ hồ sơ kiểm toán trong thời gian tối thiểu 10 năm kể từ ngày phát hành báo cáo kiểm toán của cuộc kiểm toán theo quy định của chuẩn mực kiểm toán.

Điều 40. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tiêu hủy hồ sơ kiểm toán

1. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Quyết định tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không đúng thẩm quyền;

b) Tiêu hủy hồ sơ kiểm toán không thành lập hội đồng tiêu hủy, không thực hiện đúng phương pháp, thủ tục tiêu hủy và không lập biên bản tiêu hủy theo quy định.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện việc hủy bỏ hồ sơ kiểm toán khi chưa hết thời hạn lưu trữ theo quy định hoặc cố ý làm hư hỏng hồ sơ kiểm toán.

MỤC 9. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA ĐƠN VỊ CÓ LỢI ÍCH CÔNG CHÚNG

Điều 41. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về thực hiện dịch vụ kiểm toán hoặc soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng lựa chọn tổ chức kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét khi tổ chức kiểm toán chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

2. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán, ký báo cáo kiểm toán hoặc báo cáo kết quả công tác soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

3. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán hoặc dịch vụ soát xét cho đơn vị có lợi ích công chúng khi chưa được chấp thuận của Bộ Tài chính hoặc khi bị đình chỉ hoặc hủy bỏ tư cách được chấp thuận.

4. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

Điều 42. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về công khai thông tin báo cáo minh bạch

1. Phạt cảnh cáo đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không công bố và cập nhật đầy đủ thông tin trong báo cáo minh bạch trên trang thông tin điện tử theo quy định;

b) Bản báo cáo minh bạch khi công bố không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật tổ chức kiểm toán hoặc người được ủy quyền;

c) Thực hiện công bố thông tin trong báo cáo minh bạch quá thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không lập trang thông tin điện tử theo quy định;

b) Công bố sai lệch thông tin trong báo cáo minh bạch.

3. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc cải chính thông tin đã công bố sai lệch.

Điều 43. Xử phạt hành vi vi phạm về hồ sơ đăng ký tham gia kiểm toán cho đơn vị lợi ích công chúng

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân, tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau để được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng:

a) Kê khai không đúng thực tế trong hồ sơ đề nghị chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

b) Giả mạo, khai man hồ sơ đề nghị chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng;

c) Xác nhận các tài liệu không đúng thực tế, tài liệu giả mạo, khai man trong hồ sơ đề nghị chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng.

2. Biện pháp khắc phục hậu quả: Buộc nộp lại số lợi bất hợp pháp có được do thực hiện hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này.

Điều 44. Xử phạt hành vi vi phạm quy định liên quan đến trách nhiệm của đơn vị có lợi ích công chúng

Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng thực hiện một trong các hành vi sau:

1. Không xây dựng và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ.

2. Không tổ chức kiểm toán nội bộ theo quy định của pháp luật.

Điều 45. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về tính độc lập

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với cá nhân đã thực hiện kiểm toán đơn vị có lợi ích công chúng nay giữ chức vụ quản lý, điều hành, thành viên ban kiểm soát, kế toán trưởng của đơn vị có lợi ích công chúng đó mà thời gian kể từ ngày kết thúc cuộc kiểm toán đến ngày giữ các chức vụ này dưới mười hai tháng.

2. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với đơn vị có lợi ích công chúng chấp thuận kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong 5 năm tài chính liên tục.

3. Đình chỉ hành nghề kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng trong 5 năm tài chính liên tục.

4. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 03 tháng đến 06 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với tổ chức kiểm toán bố trí kiểm toán viên hành nghề thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho một đơn vị có lợi ích công chúng trong 5 năm tài chính liên tục.

MỤC 10. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ CUNG CẤP, SỬ DỤNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN QUA BIÊN GIỚI

Điều 46. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời hạn 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam khi chưa đăng ký với Bộ Tài chính Việt Nam để được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam.

2. Cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới khi không duy trì đủ một trong các điều kiện theo quy định.

3. Giả mạo, tẩy xóa, sửa chữa hồ sơ đề nghị đăng ký cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

Điều 47. Xử phạt hành vi vi phạm quy định đối với doanh nghiệp, tổ chức về sử dụng dịch vụ kiểm toán qua biên giới

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với doanh nghiệp, tổ chức thanh toán và chuyển tiền liên quan đến cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thông qua tổ chức tín dụng được phép theo quy định của pháp luật về ngoại hối của Việt Nam.

Điều 48. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về phương thức cung cấp dịch vụ qua biên giới

Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng đến 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Không thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

2. Liên danh với doanh nghiệp tại Việt Nam không có đủ điều kiện cung cấp dịch vụ kiểm toán khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

3. Liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài để cung cấp dịch vụ qua biên giới khi không bảo đảm đủ các điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán theo quy định.

4. Không giao kết hợp đồng kiểm toán theo quy định của pháp luật Việt Nam khi cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

5. Hợp đồng kiểm toán cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới không có đầy đủ chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, của doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam và của đơn vị được kiểm toán.

6. Không lập hợp đồng liên danh về việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

7. Hợp đồng liên danh không phân định rõ trách nhiệm của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài và doanh nghiệp tại Việt Nam trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới.

8. Không cử kiểm toán viên hành nghề phụ trách phần việc kiểm toán thuộc trách nhiệm của mỗi bên theo quy định.

9. Báo cáo kiểm toán không có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài, của doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam và các kiểm toán viên hành nghề phụ trách phần việc kiểm toán thuộc trách nhiệm của từng doanh nghiệp trong hợp đồng đồng kiểm toán.

10. Hợp đồng kiểm toán, hợp đồng liên danh, hồ sơ kiểm toán và báo cáo kiểm toán không lập đồng thời bằng cả hai ngôn ngữ Tiếng Việt và Tiếng Anh.

Điều 49. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

1. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Không nộp báo cáo tài chính của năm trước liền kề theo quy định hoặc nộp không đúng thời hạn;

b) Báo cáo không kịp thời, báo cáo không đầy đủ theo mẫu quy định tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam;

c) Không thực hiện nghĩa vụ khác của doanh nghiệp kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập của Việt Nam.

2. Đình chỉ việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam trong thời gian từ 12 tháng đến 24 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

a) Vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm, các trường hợp không được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Luật kiểm toán độc lập của Việt Nam;

b) Không tuân thủ chuẩn mực kiểm toán Việt Nam khi thực hiện cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới tại Việt Nam;

c) Không báo cáo hoặc báo cáo không trung thực tình hình thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới phát sinh tại Việt Nam;

d) Không cử người có trách nhiệm, đại diện cho doanh nghiệp báo cáo, giải trình cho các cơ quan chức năng của Việt Nam liên quan đến hợp đồng kiểm toán, hồ sơ kiểm toán, báo cáo kiểm toán và các vấn đề khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ qua biên giới tại Việt Nam.

Điều 50. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về liên danh trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới

Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời gian từ 06 tháng 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán tại Việt Nam liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Không lưu trữ toàn bộ hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh.

2. Không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ, không kịp thời cho cơ quan chức năng hồ sơ kiểm toán của cuộc kiểm toán đã thực hiện liên danh khi được yêu cầu.

3. Không giải trình hoặc giải trình không đầy đủ, không kịp thời với các cơ quan chức năng về báo cáo kiểm toán, hồ sơ kiểm toán và các vấn đề khác phát sinh từ cuộc kiểm toán liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

4. Không thực hiện báo cáo tình hình thực hiện liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài trong việc cung cấp dịch vụ kiểm toán qua biên giới theo quy định.

5. Không phối hợp với cơ quan có thẩm quyền trong việc kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán đối với các hợp đồng liên danh với doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài.

MỤC 11. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ THÔNG BÁO VÀ BÁO CÁO

Điều 51. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của tổ chức kiểm toán

1. Phạt cảnh cáo đối với doanh nghiệp kiểm toán không thông báo bằng văn bản kèm theo bản sao tài liệu cho Bộ Tài chính về việc thành lập hoặc chấm dứt hoạt động của cơ sở của doanh nghiệp kiểm toán ở nước ngoài.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán thực hiện thông báo cho Bộ Tài chính chậm so với quy định khi có thay đổi về:

a) Danh sách kiểm toán viên hành nghề;

b) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Chấm dứt hoạt động của chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

e) Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

3. Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện thông báo cho Bộ Tài chính khi có thay đổi về:

a) Danh sách kiểm toán viên hành nghề;

b) Tên, địa điểm đặt trụ sở chính của doanh nghiệp;

c) Tên, địa điểm đặt trụ sở chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

d) Tạm ngừng kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

đ) Chấm dứt hoạt động của chi nhánh kinh doanh dịch vụ kiểm toán;

e) Báo cáo tình hình hoạt động hàng năm và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Bộ Tài chính.

4. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán thực hiện thông báo chậm so với quy định khi:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 21 và Điều 31 của Luật kiểm toán độc lập và các Điều 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

b) Có thay đổi về Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, tỷ lệ vốn góp của các thành viên;

c) Thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể.

5. Đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày quyết định xử phạt có hiệu lực đối với doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán không thực hiện thông báo cho Bộ Tài chính khi:

a) Không bảo đảm một trong các điều kiện quy định tại Điều 21 và Điều 31 của Luật kiểm toán độc lập và Điều 5, 6, 7, 8 của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 3 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập;

b) Có thay đổi về Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người đại diện theo pháp luật, tỷ lệ vốn góp của các thành viên;

c) Thực hiện việc chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, chuyển đổi, giải thể.

Điều 52. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về nghĩa vụ thông báo, báo cáo của kiểm toán viên hành nghề

1. Phạt cảnh cáo đối với kiểm toán viên hành nghề thực hiện thông báo hoặc báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Bộ Tài chính chậm so với quy định khi:

a) Không còn làm việc tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc vô hiệu;

d) Tham gia với tư cách cá nhân làm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài tổ chức kiểm toán.

2. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với kiểm toán viên hành nghề không thực hiện thông báo hoặc thông báo cho Bộ Tài chính chậm trên 15 ngày so với quy định khi:

a) Không còn làm việc tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán;

b) Hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian tại doanh nghiệp kiểm toán, chi nhánh doanh nghiệp kiểm toán nước ngoài tại Việt Nam hết thời hạn hoặc bị chấm dứt hoặc có các thay đổi dẫn đến không còn đảm bảo là hợp đồng lao động làm toàn bộ thời gian theo quy định;

c) Giấy phép lao động tại Việt Nam của kiểm toán viên hành nghề là người nước ngoài hết hiệu lực hoặc vô hiệu;

d) Tham gia làm kế toán trưởng (hoặc phụ trách kế toán), nhân viên kế toán, kiểm toán nội bộ hoặc các chức danh khác tại đơn vị, tổ chức khác ngoài tổ chức kiểm toán.

MỤC 12. HÀNH VI VI PHẠM QUY ĐỊNH VỀ KIỂM SOÁT CHẤT LƯỢNG DỊCH VỤ KIỂM TOÁN

Điều 53. Xử phạt hành vi vi phạm quy định về kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán của tổ chức kiểm toán

Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với tổ chức kiểm toán thực hiện một trong các hành vi vi phạm sau:

1. Không xây dựng hệ thống kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.

2. Không xây dựng các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán.

3. Không tổ chức thực hiện việc kiểm soát chất lượng dịch vụ đối với dịch vụ kiểm toán, dịch vụ soát xét báo cáo tài chính, thông tin tài chính và dịch vụ bảo đảm khác.

4. Không thực hiện các chính sách và thủ tục kiểm soát chất lượng cho từng cuộc kiểm toán.

5. Không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không đầy đủ thông tin, tài liệu theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

6. Cung cấp thông tin, tài liệu không chính xác, không trung thực cho cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

7. Không giải trình, hợp tác với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền trong quá trình kiểm soát chất lượng kiểm toán.

Chương 4.
THẨM QUYỀN LẬP BIÊN BẢN, XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 54. Thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập

Người có thẩm quyền lập biên bản hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập, gồm:

1. Người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập quy định tại Điều 55, Điều 56 của Nghị định này.

2. Công chức, viên chức, sĩ quan công an nhân dân, sĩ quan quân đội nhân dân được cơ quan có thẩm quyền giao nhiệm vụ thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện công tác kế toán, hoạt động nghề nghiệp kế toán; thực hiện việc thanh tra, kiểm tra hoạt động kiểm toán, kiểm soát chất lượng dịch vụ kiểm toán, hoạt động nghề nghiệp kiểm toán khi đang thi hành công vụ có quyền lập biên bản vi phạm hành chính thuộc phạm vi thi hành công vụ, nhiệm vụ được giao.

Điều 55. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Thanh tra tài chính

1. Thanh tra viên tài chính các cấp có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 500.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 1.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính;

2. Chánh thanh tra Sở Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

3. Chánh thanh tra Bộ Tài chính có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định tại Nghị định này.

Điều 56. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 5.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 10.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (gọi chung là cấp huyện) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền tối đa đến 25.000.000 đồng đối với cá nhân và tối đa đến 50.000.000 đồng đối với tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (gọi chung là cấp tỉnh) có quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán độc lập như sau:

a) Phạt cảnh cáo;

b) Phạt tiền đến mức cao nhất quy định tại Nghị định này đối với cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính;

c) Áp dụng các hình thức xử phạt bổ sung và biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Nghị định này.

Chương 5.
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 57. Tổ chức thực hiện

Bộ trưởng Bộ Tài chính chịu trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giám sát việc thi hành Nghị định này.

Điều 58. Điều khoản thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2013.

Nghị định số 185/2004/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2004; Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 05 năm 2011 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán hết hiệu lực kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực.

2. Áp dụng các quy định của Nghị định này để xử lý đối với các hành vi vi phạm xảy ra trước ngày Nghị định này có hiệu lực như sau:

Các quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán có lợi cho cá nhân, tổ chức vi phạm hành chính được áp dụng; đối với hành vi xảy ra trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực mà sau đó mới bị phát hiện hoặc đang xem xét, giải quyết.

3. Đối với quyết định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán đã được ban hành hoặc đã được thi hành xong trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành, mà cá nhân, tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính còn khiếu nại thì áp dụng quy định của Nghị định số 185/2004/NĐ-CP ngày 04 tháng 11 năm 2004, Nghị định số 39/2011/NĐ-CP ngày 26 tháng 05 năm 2011 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán để giải quyết.

4. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTCP, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (3b).

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

Nguyễn Tấn Dũng